

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST

Ngày: 01-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết;

Ông Trần Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:
Ông Kim Hua - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2021/TLST- HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Hồ Thị P, sinh năm 1977 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T. Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Chồng: Trần Văn A, sinh năm 1978; Con: 02 người, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Võ Thị Kim Q, sinh năm 1973. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1969. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1978. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị E, sinh năm 1965. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết và nhà ở gần nhau nên bị cáo Hồ Thị P thường xuyên qua nhà bà Võ Thị Kim Q chơi. Bị cáo biết được thói quen sinh hoạt hằng ngày của gia đình bà Q và biết được vị trí mà bà Q để tiền mỗi ngày khi đi chợ về. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/11/2020, bị cáo P một mình đi bộ qua nhà bà Q chơi như thường ngày. Khi đến nhà bà Q thấy cửa nhà không đóng, bị cáo đi xuống nhà sau và nhìn thấy bà Q đang nằm ngủ trên võng, áo khoát của bà Q mặc thường ngày treo ở trên tường cách vị trí bà Q nằm ngủ khoảng 05 (năm) mét. Bị cáo biết trong túi áo khoát của bà Q có để tiền nên nảy sinh ý định lấy trộm để tiêu xài cá nhân, khi quan sát thấy bà Q đã ngủ say, xung quanh nhà thì không có người nên bị cáo P đi đến vị trí treo áo khoát của bà Q và tìm bên trong túi áo phát hiện có một sấp tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau được buộc lại bằng dây thun với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, bị cáo liền lấy số tiền bỏ vào túi quần rồi nhanh chóng đi về nhà cất giữ và tiêu xài hết.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/12/2020, bị cáo P nhìn thấy con chó lông màu vàng trọng lượng 11kg của bà Q đi qua nhà mình nên nảy sinh ý định bắt con chó này để bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo lấy thức ăn cho chó ăn và bắt con chó bỏ vào giỏ xách nhựa chở đi bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ) được số tiền là 500.000 đồng. Thông qua người quen, bà Q biết được việc bị cáo P đã bắt trộm con chó của mình nên đã trực tiếp gặp bị cáo P nói chuyện. Qua đó, bị cáo P thừa nhận mình đã bắt trộm con chó và lấy trộm số tiền 6.000.000 đồng của bà Q vào ngày 30/11/2020. Sau đó, bà Q tố giác hành vi vi phạm của P đến Cơ quan Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, bị cáo P và bà Võ Thị Kim Q xác định con chó mà bị can P bắt trộm của bà Q có đặc điểm lông màu vàng, trọng lượng 11kg.

Ngày 18/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè yêu cầu định giá tài sản đối với 01 con chó lông màu vàng, trọng lượng 11kg như đã nêu trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/BKL-HĐĐG ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận tài sản bị thiệt hại vào ngày 30/12/2020 có giá trị thành tiền là 660.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-HS ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Hồ Thị P về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Hồ Thị P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiêu nại về nội dung Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Thị P từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ Thị P cùng gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 6.500.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền bồi thường bị hại bà Võ Thị Kim Q cùng gia đình không yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng vụ án: không có.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thị P nộp án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, phần tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và luận tội của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Hồ Thị P: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/11/2020 tại nhà bà Võ Thị Kim Q, ngụ ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh T, bị cáo P đã có hành vi lén lút vào bên trong nhà của bà Võ Thị Kim Q lấy trộm của bà Q số tiền 6.000.000 đồng. Ngoài hành vi trên, vào ngày 30/12/2020 bị cáo P còn có hành vi bắt trộm một con chó lông màu vàng trọng lượng 11kg của bà Q đem bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ họ tên và địa chỉ) được 500.000 đồng (Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/BKL-HĐĐG ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận tài sản bị thiệt hại vào ngày 30/12/2020 có giá trị thành tiền là 660.000 đồng). Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ

sung 2017 như kết luận của cáo trạng và của Kiểm sát viên là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe, bị cáo phải nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi dẫn đến phạm tội. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, để bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng nhằm mục đích răn đe, phòng chống tội phạm cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hồ Thị P cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại đã gây ra; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặt khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương nơi cư trú và việc không áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Hồ Thị P cải tạo không giam giữ; giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục là phù hợp với mức độ, hành vi phạm

tội của bị cáo. Do bị cáo P không có nghề nghiệp ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ Thị P cùng gia đình đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 6.500.000 đồng. Sau khi nhận đủ số tiền bồi thường bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: Không có.

[9] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thị P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Bị cáo, bị hại được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Hồ Thị P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị P 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hồ Thị P cho Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Hồ Thị P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thị P nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại vắng mặt nên thời hạn

kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công